

## QUAN HỆ VIỆT NAM - CAMPUCHIA QUA DẢI BIÊN GIỚI TÂY NAM

PGS. TS. Trần Văn Tùng\*

**B**iên giới Tây Nam của Việt Nam giáp với 9 tỉnh Campuchia từ lâu đã hình thành nhiều cửa khẩu quốc tế, quốc gia, được thông với nhau bằng các đường bộ, đường sông. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Campuchia được hai chính phủ quan tâm không chỉ vì mục tiêu kinh tế mà bao gồm cả các mục tiêu khác như độc lập dân tộc, an ninh quốc gia, hợp tác phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội.

Việt Nam, Lào và Campuchia đều đã trở thành thành viên của ASEAN, đang thực hiện lộ trình AFTA, hợp tác kinh tế thương mại và an ninh sẽ có bước phát triển mới. Do đó, việc đánh giá tiềm năng phát triển dải biên giới phía Tây Nam của Việt Nam với Campuchia hiện tại và trong tương lai trở thành vấn đề rất quan trọng. Báo cáo này sẽ lần lượt trình bày và phân tích các nội dung cơ bản sau đây:

### A. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Toàn tuyến biên giới phía Tây và Tây Nam tiếp giáp với Lào và Campuchia dài trên 3.369 km (với 18 tỉnh biên giới của Việt Nam, 10 tỉnh biên giới của Lào và 9 tỉnh biên giới của Campuchia). Sau khi chính phủ Việt Nam ký hiệp định hoạch

định biên giới với chính phủ Campuchia ngày 20-7-1985, trên dọc tuyến biên giới phía Tây Nam đã hình thành các cặp cửa khẩu biên giới. Các cặp cửa khẩu biên giới này được thông thương bởi hàng chục đường quốc lộ, tỉnh lộ và đường mòn hình thành từ lâu đời. Cùng với việc hình thành các cửa khẩu, hoạt động buôn bán xung quanh khu vực cửa khẩu phát triển mạnh, do đó nhiều chợ quy mô lớn, nhỏ đã được hai nước xây dựng. Toàn tuyến biên giới phía Tây Nam có 32 chợ dọc theo các tỉnh tiếp giáp giữa Việt Nam với Campuchia (bảng 1).

Tiềm năng và lợi thế phát triển kinh tế ở các vùng cửa khẩu biên giới phía Tây Nam được đánh giá dựa vào các phương diện cơ bản như điều kiện và môi trường chính trị - xã hội, điều kiện và mức độ phát triển kinh tế hai nước, truyền thống văn hóa dân tộc và thói quen sinh hoạt, điều kiện tự nhiên và cơ sở hạ tầng. Theo cách tiếp cận ở trên, chúng ta có thể đưa ra một số đánh giá khái quát về tiềm năng phát triển kinh tế giữa hai nước nằm trên dải biên giới phía Tây Nam như sau:

*Thứ nhất*, do điều kiện địa lý, bối cảnh lịch sử và sự phát triển cách mạng dân chủ cả 3 nước nằm trên bán đảo Đông Dương trước đây và sự xây dựng thể chế

\* Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

chính trị xã hội hiện nay của mỗi nước đã gắn kết Việt Nam - Lào - Campuchia thành các nước có quan hệ rất đặc biệt. Đây là tiền đề đặc biệt quan trọng, tạo nền tảng chính trị - xã hội cho khả năng

phát triển hợp tác, liên kết kinh tế giữa Việt Nam, Lào, Campuchia, đặc biệt là khi cả ba nước tham gia AFTA. Hoạt động giao lưu kinh tế và thương mại tại khu vực cửa khẩu sẽ phát triển mạnh.

**Bảng 1: Tư liệu tổng quát về cửa khẩu biên giới phía Tây Nam**

TT	Tư liệu	CHXHCN Việt Nam	Vương quốc Campuchia
1	Chiều dài biên giới (Km)	<b>1.300</b>	<b>1.300</b>
2	Khu vực hành chính trên đất liền	<b>8 tỉnh</b>	<b>9 tỉnh</b>
		- Gia Lai	- Ratana Kiri
		- Đắc Lắc	- Mondun Kiri
		- Bình Phước	- Cro Chê
		- Tây Ninh	- Công Pông Chàm
		- Long An	- Prây Viêng
		- Đồng Tháp	- Xvây Riêng
		- An Giang	- Căng Đan
3	Tên các cửa khẩu	- Kiên Giang	- Ta Keo
			- Cămpôt
		Mộc Bài (Tây Ninh)	Ba Vet (Xvây Riêng)
		Vĩnh xương, Thường Phước (An Giang)	Ca om Sam no, Cốc côca (Cang Đăm, Prây Viêng)
		Lê Thanh (Gia Lai)	An Dopech (Ratana Kiri)
		Buporang (Đắc Lắc)	Opaing (Mundun Kiri)
		Bo Nuê (Bình Phước)	Xnum (Crôché)
		Xamat (Tây Ninh)	Tơrapeng (Plulong)
Tịnh Biên (An Giang)	Promden (Takeo)		
	Các cửa khẩu phụ	Xà Xia (Hà Tiên)	Lôc (Cămpôt)
		Có 30 cửa khẩu phụ giữa Việt Nam với Campuchia: - Kon Tum có 3 - Đắc Lắc có 2 - Bình Phước có 3 - Gia Lai có 1 - Tây Ninh có 6 - Long An có 4 - Đồng Tháp có 6 - An Giang có 2 - Kiên Giang có 3	
4	Đường quốc lộ và tỉnh lộ: Đường 18, Quốc lộ 13, 14, 19, 23B, 80, 91.	Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Bình Phước, Tây Ninh, An Giang, Kiên Giang	Qua các tỉnh: Ratana Kiri, Mundun Kiri, Croché, TaKeo, Plulong

Nguồn: Hiệp định biên giới và các quyết định của chính phủ Việt Nam.

*Thứ hai*, mức độ phát triển của hai nước nói chung và vùng lãnh thổ dọc tuyến biên giới Tây Nam giữa hai nước nói riêng, tuy có những lợi thế rất khác nhau, nhưng về cơ bản không có sự chênh lệch lớn, tương đồng về nhiều mặt, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế thương mại. Thí dụ tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam hiện tại gấp hơn 10 lần GDP của Lào và gấp 7 lần GDP của Campuchia, nhưng GDP bình quân đầu người của ba nước xấp xỉ nhau. Theo số liệu năm 2002 của Tổng cục thống kê (1), GDP bình quân đầu người của Việt Nam khoảng 440 USD, của Lào khoảng 328 USD và của Campuchia khoảng 279 USD theo sức mua tương đương là 2.070 USD, 1.620 USD, 1.860 USD. Nền kinh tế của 3 nước về cơ bản và phát triển theo chiều rộng dựa chủ yếu vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên, lao động đông và rẻ hàm lượng công nghệ và chất xám trong các loại sản phẩm hàng hóa xuất khẩu thấp. Đây chính là một yếu tố quan trọng thúc đẩy hai nước tăng cường trao đổi thương mại, hợp tác kinh tế để giảm thiểu những thiệt hại trong buôn bán quốc tế với các nước trong khối ASEAN và các quốc gia công nghiệp phát triển khác.

*Thứ ba*, hệ thống giao thông hành lang Đông - Tây trong tiểu vùng sông Mêkông, đang được thiết lập. Các quốc gia tiểu vùng đang chú trọng đầu tư phát triển nhằm mở ra khả năng phát triển giao lưu hàng hóa giữa Việt Nam, Campuchia và Thái Lan. ở mức cao hơn, ưu tiên phát triển hành lang Đông - Tây là một chủ trương lớn của các nước trong tiểu vùng. Trong đó các hành lang được ưu tiên phát triển hàng đầu là:

Tuyến 1: Laen Chabang - Makdaran/Savanakhet (Biên giới Thái Lan - Lào), Biển Đông/Lao Bảo (Biên giới Lào - Việt), đến Đông Hà, Đà Nẵng.

Tuyến 2: Bangkok - Aranyaprathet/Poipet (Biên giới Thái Lan - Campuchia),

Batdambang - Bavet/Mocbài (Biên giới Việt Nam - Campuchia), thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.

Tuyến 3: Hà Nội - Điện Biên - Tây Trang / Đèo Tây Trang (Biên giới Việt Nam - Lào), Luang Phrabang.

Tuyến 4: Vinh - Đèo Keo Nha / Nape (Biên giới Việt - Lào) LakSao - Bản Lao, Thà Khet / NaKhan Phanom (Biên giới Lào - Thái Lan) Udon Thani.

Tuyến 5: Vũng Tàu - Bãi Đình - Ban Talak (Biên giới Việt - Lào), Thà Khet.

Tuyến 6: Đà Nẵng - Pắc Xế - Ubon Katchathan - Nakhe Ratchasima (dự kiến xây dựng tuyến đường sắt).

Tuyến 7: Quy Nhơn - Thăng Đức / Phumi Bakhăm (Biên giới Việt Nam - Campuchia)

Tuyến 8: Shihanouk Vile - Kampot / Hà Tiên (Biên giới Việt Nam - Campuchia), Rạch Giá, Mỹ Tho, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong 8 tuyến hành lang được ưu tiên phát triển thời gian tới thì có 3 tuyến đi qua dải biên giới Việt Nam - Campuchia. Cùng với Hiệp định khung ASEAN về việc tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh được thực hiện từ năm 2000, hiện nay các nước trong tiểu vùng sông Mêkông như Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar và Trung Quốc đang chuẩn

bị ký kết Hiệp định khung tạo các điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa và người qua lại dọc dải biên giới trong khu vực này.

Như vậy, hành lang Đông Tây là tuyến đường bộ chính, chạy từ các cảng biển miền Trung, miền Nam của Việt Nam qua Lào, Campuchia tới miền Đông Bắc Thái Lan. Đó là một công trình lớn, tạo ra nhiều cơ hội thuận lợi cho việc xuất nhập khẩu hàng hóa, giao lưu kinh tế, văn hóa, bảo vệ an ninh giữa các nước trong khu vực này. Đồng thời, triển vọng buôn bán giữa các nước trong tiểu vùng sông Mekong với Trung Quốc, khu vực Đông Bắc Á sẽ được mở rộng.

*Thứ tư*, thị trường Việt Nam với hơn 80 triệu dân, Campuchia với hơn 13,5 triệu dân là tiềm năng lớn cho phát triển thương mại, giao lưu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới. Mặc dầu hiện tại thị trường hai nước mới bắt đầu hình thành và phát triển, đặc biệt là dọc khu vực biên giới phía Tây Nam nhưng vẫn còn sơ khai. Sức mua còn thấp, tuy nhiên với tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam mỗi năm hơn 7% và của Campuchia khoảng 5%, thì trong thời gian tới quy mô GDP và sức mua của thị trường cả hai nước sẽ tăng nhanh hơn.

Thị trường Campuchia với sức mua hơn 13,5 triệu dân, tỷ lệ người nghèo đói cao, có nhu cầu tiêu thụ nhiều mặt hàng nông sản, hàng công nghiệp nhẹ mà Việt Nam đang sản xuất như gạo, mì ăn liền, đường, rau quả, giấy dếp, phân bón, sắt thép và các hàng tiêu dùng khác. Ngược lại, Việt Nam cũng cần nhập khẩu các loại nguyên liệu sản xuất từ Campuchia (hoạt động

thương mại giữa hai nước sẽ được trình bày chi tiết ở các phần sau). Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, phong tục tập quán đã hình thành quan hệ buôn bán lâu đời giữa hai nước, đồng thời cũng tạo ra những cơ hội mới cho việc hợp tác phát triển kinh tế dọc dải biên giới phía Tây Nam.

## **B. PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI**

### **I. Quan hệ thương mại giữa Việt Nam - Campuchia**

Việt Nam chủ trương phát triển quan hệ buôn bán với Campuchia không chỉ vì mục đích kinh tế mà còn bao hàm cả vấn đề độc lập dân tộc, an ninh quốc gia. Trong xu thế hội nhập với nền kinh tế khu vực và kinh tế thế giới đang được đẩy nhanh thì thương mại giữa hai nước là phù hợp với xu thế khách quan và yêu cầu của thời đại.

Nội dung hợp tác trong hoạt động thương mại là rất đa dạng, có vấn đề lợi ích của một bên và cần sự hỗ trợ của bên kia, có vấn đề lợi ích trước mắt, lâu dài. Bởi vậy phải có nhiều hình thức hợp tác theo các chương trình kế hoạch có sự điều hành phối hợp hoạt động của cả hai nước. Để đánh giá chi tiết tiềm năng hợp tác thương mại giữa Việt Nam - Campuchia, chúng ta đi sâu phân tích một số luận điểm sau:

#### **1. Môi trường thể chế cho quá trình phát triển thương mại**

Đến nay, quan hệ thương mại giữa hai nước được hình thành và phát triển dựa trên một loạt các văn bản và quy định pháp luật liên quan đến quan hệ kinh tế - xã hội giữa Việt Nam và Campuchia, đó là:

- Hiệp định thương mại giữa hai chính phủ Việt Nam - Campuchia ký ngày 24-3-1978.

- Nghị định chính phủ số 57/1998 ND-CP ngày 31-7-1998 của chính phủ Việt Nam quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài.

- Quyết định số 724/1998 QĐ-BTM ngày 18-6-1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành quy chế tổ chức và quản lý chợ biên giới Việt Nam - Campuchia.

- Quyết định số 1732/2000 QĐ-BTM ngày 13-2-2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành quy chế về hàng hóa của Vương quốc Campuchia quá cảnh lãnh thổ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Thông tư số 08/2000 TM-BTM ngày 12-4-2000 của Bộ Thương mại hướng dẫn việc cấp giấy phép nhập khẩu gỗ nguyên liệu có nguồn gốc từ Campuchia.

- Nghị định chính phủ số 44/2001 ND-CP ngày 02-8-2001 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 57/1998.

- Hiệp định mua bán trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới giữa chính phủ Việt Nam và chính phủ Campuchia ngày 26-11-2001.

- Nghị định chính phủ 02/2003 ND-CP ngày 14 - 01 - 2003 về phát triển và quản lý chợ.

- Quyết định 252/2003 QĐ-TTg 24-11-2003 của Thủ tướng chính phủ về quản lý buôn bán hàng hóa qua biên giới với các nước có chung biên giới.

Các hiệp định, nghị định và biên bản thỏa thuận được ký giữa hai nước về hoạt động thương mại, hợp tác, kinh tế - văn hóa quá cảnh hàng hóa thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới có những bước tiến rất đáng kể.

## **2. Thực trạng quan hệ buôn bán giữa hai nước Việt Nam - Campuchia**

Việt Nam và Campuchia là những nước chậm phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn lạc hậu, thiếu vốn, thiếu kỹ thuật rất trầm trọng, do vậy việc mở rộng, đa dạng hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại là rất cần thiết. Trong bối cảnh đó, nhu cầu hợp tác trao đổi hàng hóa giữa hai nước trở thành yêu cầu khách quan.

*Thứ nhất*, hoạt động xuất nhập khẩu giữa hai nước liên tục tăng qua các năm. Tốc độ tăng bình quân hàng năm trong thời kỳ 1995-2003 là 13,25%/năm. Năm 1995, kim ngạch hai chiều đạt 181,1 triệu USD, năm 2003 đạt 362,49 triệu USD. Kim ngạch của Việt Nam sang Campuchia tăng 12,25%/năm và kim ngạch nhập khẩu tăng 16,7%/năm. Cán cân thương mại nghiêng hẳn về phía Việt Nam. Năm 1995 Việt Nam xuất siêu sang Campuchia 71,7 triệu USD và năm 2003 là 173,59 triệu USD. Mặc dù xuất nhập khẩu giữa Việt Nam sang Campuchia liên tục tăng lên, nhưng tỷ trọng kim ngạch buôn bán hai chiều giữa hai nước mới chỉ đạt mức rất khiêm tốn so với tiềm năng sẵn có của hai nước. Tính trung bình trong suốt cả thời kỳ 1995-2003, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với Campuchia chỉ chiếm 0,59% tổng kim ngạch hai chiều của Việt Nam, trong đó xuất khẩu chiếm 1,09% và nhập khẩu chiếm 0,27%.

*Thứ hai*, về các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu. Mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia ngày càng đa dạng và được thị trường Campuchia ưa chuộng (vì phần đông là người nghèo). Những mặt hàng xuất khẩu sang Campuchia đạt kim ngạch tương đối lớn trong năm 2003 và vẫn còn là những mặt hàng xuất khẩu tiềm năng:

- Mỳ ăn liền, hiện thị trường Campuchia tiêu thụ nhiều nhất so với thị trường Việt Nam đang xuất khẩu sản phẩm này. Kim ngạch năm 2003 là 14 triệu USD.

- Sản phẩm nhựa xuất sang Campuchia đứng thứ ba sau thị trường Nhật Bản và Đài Loan. Năm 2003 đạt kim ngạch 19 triệu USD.

- Sản phẩm sữa xuất sang Campuchia đứng thứ tư trong các thị trường Việt Nam đang xuất khẩu là Irắc, Xingapo và Thái Lan, đạt kim ngạch 158.000 USD vào năm 2003.

Ngoài ra còn có một số sản phẩm được thị trường Campuchia ưa chuộng là bột giặt, văn phòng phẩm, đồ sứ, đồ uống, bánh kẹo, phân bón, giấy dép... (các số liệu chi tiết xem bảng 2).

*Thứ ba*, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Campuchia có sự biến động lớn. Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Campuchia chỉ bằng 30% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia. Từ năm 2000 trở đi, các doanh nghiệp Việt Nam đã bước đầu khai thác thị trường Campuchia về các mặt hàng cần nhập khẩu. Năm 2000, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Campuchia là 37,5 triệu USD, năm 2002 là 65,4 triệu USD và năm 2003 là 94,45 USD, tăng 44,4% so với năm

2002. Thế mạnh của Campuchia là các mặt hàng nông, lâm thổ sản như gỗ, mủ cao su, bột hoàng liên, da trâu, bò. Do đó, có tới 65% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Campuchia là nguyên liệu thô và hàng nông lâm thổ sản. Tuy vậy, các doanh nghiệp Việt Nam cũng mới khai thác một số mặt hàng nhập khẩu làm nguyên liệu phụ trong công nghiệp sản xuất hàng nhựa, da giấy và chế biến gỗ. Năm 2002, Việt Nam đã nhập khẩu từ Campuchia khoảng 7,5 triệu USD gỗ và nguyên liệu phụ từ gỗ, 1,2 triệu USD nguyên liệu phụ cho ngành giấy da. Theo số liệu thống kê không chính thức, hàng xuất khẩu và nhập khẩu qua các cửa khẩu với Campuchia qua buôn bán chính ngạch tăng chậm, nhưng buôn bán tiểu ngạch tăng nhanh. Lượng hàng xuất khẩu tiểu ngạch chiếm 30% tổng kim ngạch xuất khẩu chính ngạch. Lượng hàng nhập khẩu tiểu ngạch chiếm tới 60% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Campuchia. Các mặt hàng buôn bán tiểu ngạch chủ yếu là hải sản, thực phẩm chế biến, hàng tiêu dùng, nông sản, vật liệu xây dựng, xăng dầu... Trong số những mặt hàng nhập khẩu vào Việt Nam, trừ gỗ, rất nhiều hàng hóa tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, cụ thể là đồ điện gia dụng, máy móc, phương tiện vận tải... (xem bảng 2).

Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia chủ yếu đi qua cửa khẩu thuộc tỉnh Tây Ninh, An Giang và Kiên Giang. Đó là các cửa khẩu Mộc Bài, Phước Tân, Ka Tum, Vĩnh Xương, Tịnh Biên, Khánh Bình, Đồng Đức, Vĩnh Hội... Trị giá hàng hóa xuất khẩu qua các cửa khẩu này sang Campuchia chiếm tới 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn tuyến biên giới phía Tây Nam.

**Bảng 2: Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Campuchia**

Mặt hàng	Đơn vị	1999	2000	2001	2002	2003
Sản phẩm nhựa	1.000 USD	-	-	4.219	6.480	19.040
Hàng dệt may	1.000 USD	-	-	4.422	3.500	14.379
Mỹ ăn liền	1.000 USD	-	-	4.015	6.852	14.071
Đường kính	Tấn	-	-	7.088	340	1.803
Gạo	Tấn	285	15.407	19.070	21.900	8.105
Hoa quả tươi	1.000 USD	2.793	798	2.276	4.411	4.651
Hải sản	1.000 USD	5.499	5.345	5.740	4.829	3.102
Dây điện và cáp điện	1.000 USD	-	-	395	1.049	888

*Nguồn: Tổng cục Hải quan các năm 1999 đến 2003.*

### **3. Một số đánh giá về thực trạng phát triển thương mại tại khu vực biên giới phía Tây Nam**

Do nhận thức rõ vị trí chiến lược của khu vực biên giới nói chung và vị trí các cửa khẩu nói riêng, đồng thời xuất phát từ quan hệ truyền thống lịch sử lâu đời của dân cư sinh sống ở hai bên biên giới, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương chính sách, biện pháp để củng cố các tuyến biên giới thành các trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội - an ninh quốc phòng vững mạnh, trong đó hoạt động thương mại đóng vai trò chủ yếu. Hoạt động thương mại tại các cửa khẩu biên giới Tây Nam đã đạt được một số thành tựu cơ bản sau:

*Thứ nhất*, Việt Nam đang dần dần có được một số lợi thế về mặt hàng xuất khẩu có chất lượng có khả năng cạnh tranh trên thị trường Campuchia. Việt Nam đã lợi dụng được lợi thế thị trường gần, nhu cầu tiêu dùng không đòi hỏi khắt khe, nhiều sản phẩm như mỹ ăn liền, rau quả, sản phẩm nhựa, hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, gạo, thủy sản... đã có sức cạnh tranh cao so với các mặt hàng cùng loại của Thái Lan và Trung Quốc. Phía

Campuchia đã có nhiều đề nghị, yêu cầu các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư xây dựng các nhà máy tại Campuchia.

*Thứ hai*, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Campuchia đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các tỉnh dọc biên giới. Hệ thống các cửa khẩu hiện nay đã có tác dụng tích cực trong việc thu hút trao đổi hàng hóa sản phẩm từ các thị trường nguồn trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, góp phần khởi động tiềm năng tiềm ẩn của tuyến biên giới.

*Thứ ba*, từng bước thực hiện có kết quả các chính sách xã hội ở khu vực biên giới như xóa đói giảm nghèo, định canh định cư, khôi phục các ngành nghề truyền thống, giao lưu văn hóa phát triển du lịch... Qua đó làm cho cuộc sống của dân cư hai phía ngày càng được nâng cao, hệ thống hạ tầng cơ sở được cải thiện.

*Thứ tư*, bảo đảm vững chắc an ninh chính trị tại khu vực biên giới, chống lại các âm mưu phá hoại của kẻ địch.

Bên cạnh những kết quả thu được, hoạt động thương mại ở khu vực biên giới vẫn còn bộc lộ một số mặt hạn chế. Đó là:

- Quy mô hoạt động thương mại tại các cửa khẩu nhỏ bé, tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ không ổn định.

- Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu qua biên giới còn nghèo nàn, chủ yếu là nguyên liệu thô, chưa hình thành các mặt hàng chủ lực. Nhiều mặt hàng tiêu dùng có kim ngạch nhập khẩu lớn như máy móc, đồ điện gia dụng, hàng mỹ phẩm Việt Nam không khuyến khích nhập khẩu, nhưng lại được buôn bán tràn lan qua đường tiểu ngạch.

- Hạ tầng cơ sở cho hoạt động buôn bán tại các chợ cửa khẩu còn lạc hậu, nghèo nàn, đặc biệt là giao thông và phương tiện liên lạc không thuận tiện, kho bãi thiếu đã hạn chế quá trình trao đổi hàng hóa.

- Cùng với sự hoạt động thương mại qua các cửa khẩu, nạn buôn lậu gian lận thương mại đang diễn ra hết sức nghiêm trọng trong toàn tuyến biên giới Tây Nam.

#### **4. Dự báo về tiềm năng phát triển thương mại ở khu vực biên giới Tây Nam**

Bước vào thời kỳ phát triển mới, tiềm lực kinh tế của Việt Nam đã khác hẳn so với giai đoạn trước đây. Việt Nam đang tích cực chuẩn bị các điều kiện gia nhập WTO và phấn đấu đạt được các mục tiêu đề ra cho giai đoạn 2001-2010 là:

- GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi so với năm 2000.

- Tích lũy nội bộ nền kinh tế đạt trên 30% GDP.

- Nhịp độ tăng xuất khẩu gấp hơn 2 lần nhịp độ tăng GDP.

- Tỷ trọng trong GDP của nông nghiệp là 16-17%, công nghiệp là 40-41% và dịch vụ là 42-43%.

Trên cơ sở các mục tiêu quan trọng được đề ra, định hướng phát triển các khu vực sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại tại các cửa khẩu biên giới này, Nhà nước đã có chủ trương nâng cấp một số cửa khẩu quan trọng. Theo quyết định 105/1999-QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về quy hoạch khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài - Tây Ninh, khu vực cửa khẩu này đã trở thành nơi giao lưu kinh tế - xã hội giữa Việt Nam với Campuchia và các quốc gia ASEAN khác. Nơi đây trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ du lịch và là đầu mối giao thông trong nước và quốc tế. Cửa khẩu Mộc Bài là cửa khẩu quan trọng giao thương bằng đường bộ giữa Việt Nam với Campuchia, đồng thời sẽ trở thành cửa ngõ của các nước thuộc tiểu vùng sông Mêkông theo tuyến đường xuyên Á. Khi con đường này hoàn thành sẽ nối liền hành lang Đông - Tây, dựa vào thế mạnh về sản xuất hàng hóa công nghiệp, hàng tiêu dùng của khu vực Đông Nam Bộ, nhiều loại hàng hóa sản phẩm của Việt Nam như nông sản thủy sản, công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp... có thể thâm nhập thị trường Campuchia và một số quốc gia châu Á khác.

Ngoài cửa khẩu Mộc Bài ở Tây Ninh, thì Hà Tiên, Kiên Giang cũng có vị trí rất thuận lợi cho cả giao thông đường bộ và đường thủy. Quyết định 158/1998 QĐ-TTg về phát triển khu vực cửa khẩu Hà Tiên đã mở ra những cơ hội mới cho việc phát triển tại khu vực này. Tuyến vận tải đường sông từ thành phố Hồ Chí Minh - Kiên Lương có khả năng vận chuyển khối lượng hàng hóa rất lớn từ các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long đến Campuchia. Quỹ đất của



khu vực này tương đối rộng, có điều kiện thuận lợi để phát triển các khu chế xuất, kho bãi, trung tâm dịch vụ để xuất khẩu hàng hóa và sản phẩm dịch vụ của Việt Nam sang nước bạn.

Các thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu của Campuchia là các nước Nhật, Pháp, Đức, Mỹ ASEAN, Trung Quốc, Hồng Kông. Mặc dù Campuchia là quốc gia vẫn còn những yếu tố gây bất ổn định về chính trị trong thời gian qua, nhưng Campuchia vẫn rất coi trọng việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với các nước khác và đang nỗ lực đẩy mạnh xuất khẩu để giảm mức thâm hụt thương mại, hiện là 220 - 250 triệu USD, chiếm 5,9% GDP trong những năm gần đây. Hiện tại, Campuchia là thành viên của ASEAN, WTO, do đó được hưởng các quy chế tối huệ quốc với các trung tâm kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản và EU. Những yếu tố quan trọng này sẽ thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu của Campuchia phát triển mạnh. Như trên đã trình bày, mặc dầu kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tại thị trường Campuchia không lớn, nhưng hàng hóa của Việt Nam lại có nhiều lợi thế cạnh tranh hơn so với mặt hàng cùng loại từ nước khác. Do đó đây vẫn là một thị trường quan trọng của Việt Nam. Theo dự báo của Bộ trưởng Thương mại thì kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tại thị trường Campuchia tiếp tục tăng. Tốc độ tăng hàng năm là 15% trong thời kỳ 2006-2010, theo phương án II thì kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia đạt 572,8 triệu USD vào năm 2010 (xem số liệu ở bảng 3).

Theo phương án I, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia

thời kỳ 2006-2010 là 13,5%/năm và kim ngạch xuất khẩu vào năm 2010 đạt được 502,7 triệu USD; Các nhà nghiên cứu ở Bộ Thương mại cho rằng phương án I là khả thi hơn. Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia phụ thuộc nhiều vào khả năng xuất khẩu qua biên giới trên đất liền. Nói cách khác, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu qua biên giới Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia. Cụ thể, năm 2010 theo phương án I là 442,4 triệu USD so với 502,7 triệu USD, theo phương án II là 504 triệu USD so với 572,8 triệu USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam qua biên giới Tây Nam chủ yếu vẫn là gạo, hải sản, than đá, hàng dệt may, rau quả, cao su, hàng thủ công mỹ nghệ.

Việt Nam và Campuchia đều là thành viên của ASEAN nên khi Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) được thực thi sẽ làm gia tăng áp lực nhập khẩu hàng hóa của Campuchia và các nước khác vào Việt Nam. Mặt khác, do tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia khá dài, địa hình phức tạp nên rất khó kiểm soát hoạt động nhập khẩu trên toàn tuyến. Đây là yếu tố bất lợi, dẫn đến tình trạng buôn lậu tiếp tục kéo dài. Theo phương án I, dự báo năm 2010 kim ngạch nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam là 179,8 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân trong thời kỳ 2006-2010 là 16%/năm. Theo phương án II, tốc độ tăng hàng năm là 17,5% trong cùng thời kỳ và kim ngạch nhập khẩu tương ứng là 204,7 triệu USD. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng nếu như tiến trình AFTA được thực hiện vào đầu năm 2006 (sớm hơn so với dự kiến của

Việt Nam) thì các luồng hàng hóa giữa Việt Nam và các nước ASEAN tăng, kinh tế chính trị Campuchia bước vào thế ổn định, thì phương án II là khả thi. Các mặt

hàng mà Việt Nam nhập khẩu từ Campuchia vẫn chủ yếu là gỗ các loại, mủ cao su, thuốc lá, nông lâm sản, máy móc thiết bị.

**Bảng 3: Dự báo kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tại Campuchia trong thời kỳ 2005-2010**

Đơn vị tính: triệu USD

	Phương án I		Phương án II	
	2005	2010	2005	2010
- Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với Campuchia	286,9	502,7	284,8	572,8
- Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam qua biên giới Việt Nam - Campuchia	226,8	442,4	242,0	504,0
CK Mộc Bài (Tây Ninh)	79,4	132,7	87,7	151,2
CK Mộc Hóa (Long An)	27,2	61,9	29,0	70,6
CK Vĩnh Xương (Đồng Tháp)	45,4	79,6	48,4	90,7
CK Tịnh Biên (An Giang)	34,0	70,8	36,3	80,6
CK Xà Xía (Hà Tiên)	18,1	44,2	19,4	50,4
Các cửa khẩu khác	22,7	53,2	24,2	60,5
- Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam với Campuchia	85,8	179,8	91,4	204,7
- Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam qua biên giới Việt Nam - Campuchia	72,9	161,8	77,7	184,2
CK Mộc Bài (Tây Ninh)	25,5	48,5	27,2	55,3
CK Mộc Hóa (Long An)	8,8	22,7	9,3	25,8
CK Vĩnh Xương (Đồng Tháp)	14,6	29,2	15,5	33,2
CK Tịnh Biên (An Giang)	10,9	25,9	11,7	29,5
CK Xà Xía (Hà Tiên)	5,8	16,2	6,2	18,4
Các cửa khẩu khác	7,3	19,3	7,8	22,0

Nguồn: Viện nghiên cứu thương mại, Bộ Thương mại, Hà Nội 2001.

Đến năm 2010, theo dự báo của Tổng cục thống kê, dân số các tỉnh thuộc biên giới Việt Nam-Campuchia sẽ hơn 7,5 triệu người. Thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh biên giới năm 2010 tăng hơn 3 lần so với năm 2005, lương thực và thực phẩm chủ yếu do người dân tự túc. Do đó sức mua của dân cư khu vực biên giới có thể

lên tới 70% thu nhập. Điều này sẽ tạo khả năng thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của các tỉnh phía Tây Nam dọc biên giới Việt Nam - Campuchia. Theo dự báo của Bộ thương mại, kim ngạch xuất khẩu trực tiếp của một số tỉnh qua cửa khẩu biên giới đến năm 2010 của Tây Ninh là 172,4 triệu USD, của Đồng Tháp là 260,9 triệu

USD, của An Giang là 553,8 triệu USD, của Kiên Giang là 213,0 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu tương ứng của các tỉnh là 87,6 triệu USD, 258,8 triệu USD; 137,7 triệu USD và 45 triệu USD.

Tôi cho rằng, các kịch bản dự báo về kinh ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với Campuchia do Bộ Thương mại đưa ra là khác xa với thực tế. Bởi vì, khi các hiệp định hợp tác giữa hai nước vừa được ký kết ngày 10/10/2005 có hiệu lực thì buôn bán hai chiều giữa Việt Nam với Campuchia đến năm 2010 sẽ vượt quá 1 tỷ USD (còn tiếp).

### Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục thống kê (2004), *Tư liệu kinh tế các nước thành viên*, NXB Thống kê.
2. Bộ Thương mại (2001), *Dự án quy hoạch phát triển thương mại tại các vùng cửa khẩu biên giới Tây và Tây Nam Việt Nam đến 2010*.
3. Từ Thanh Thủy (2004), *Xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Campuchia, thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, số 9/2004.
4. Đỗ Đức Định (2005), *Phát triển doanh nghiệp ở vùng sông Mêkông: Một số bài học về hợp tác Nam-Nam*, Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới.
5. Bộ Kế hoạch Đầu tư (2003), *Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả và tồn tại của quy hoạch phát triển các khu kinh tế thương mại và giải pháp khắc phục*.
6. Viện Nghiên cứu Châu Mỹ và Viện nghiên cứu chiến lược Bộ Công an, *An ninh Đông Á trong thiên niên kỷ mới*, Hà nội 2004.
7. Hing Thoraxy (2003), *Cambodia's Investment Potential Challenges and Prospects*.
8. *Cambodia: Seizing the Global Opportunity, Investment Climate Assessment and Reform Strategy for Cambodia*, WB, No - 27925 - KH 12-8-2004. [www.Worldbank.org/](http://www.Worldbank.org/)
9. Cambodia Development Resources Institute (2003), *Flash Report on the Cambodian Economy*.
10. Kao Kim Hourn, J.A.Kaplan (1999), *Cambodia's Economic Development: Policies, Strategies and Implementation*, ASEAN Academic Press, London 1999.
11. *Why Cambodia Banks Reluctant to Lend to SMEs*; Cambodia Development Review No. 3- 2003. [www.Worldbank.org/](http://www.Worldbank.org/)
12. *16\$ Million Mekong Enterprise Fund Launched*, [www.MekongCapital.com/](http://www.MekongCapital.com/)
13. WB (2000), *Violent Conflict and the Transformation of Social Capital, Lessons from Cambodia, Rwanda, Guatemala and Somalia*.
14. Trần Vinh (2003), *Những cuộc di dân bành trướng của dân tộc Việt Nam*, [www.vietnamreview.com/](http://www.vietnamreview.com/)
15. WB (2003) *Asian Development Outlook*, 2003.